

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Số: 1784/QĐ-ĐHL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1124/QĐ-TTg ngày 23/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường đại học thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo Thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí & ĐBCLGD Trường ĐH Luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 05 chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ định hướng ứng dụng của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN bao gồm:

1. CTĐT chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính;
2. CTĐT chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự;

3. CTĐT chuyên ngành Luật hình sự và tổ tụng hình sự;
4. CTĐT chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;
5. CTĐT chuyên ngành Luật kinh tế;

Nội dung các chương trình đào tạo sau điều chỉnh kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ nói trên được áp dụng cho sinh viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo và công tác Học sinh sinh viên, Trưởng các Phòng chức năng, Chủ nhiệm các Khoa chuyên môn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐBCL.



HIỆU TRƯỞNG ↓

Nguyễn Thị Quế Anh
Nguyễn Thị Quế Anh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG

NGÀNH: LUẬT

CHUYÊN NGÀNH: LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ

MÃ SỐ: 8380101.04

*(Ban hành theo Quyết định số 1784/QĐ-ĐHL, ngày 30 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo

+ Tiếng Việt: Luật dân sự và tố tụng dân sự

+ Tiếng Anh: Civil Law and Civil Procedure Law

- Mã số chuyên ngành: 8380101.04

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Luật

+ Tiếng Anh: Law

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Law

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự theo định hướng ứng dụng có mục tiêu đào tạo và cung cấp cho xã hội các cán bộ có trình độ cao trong áp dụng pháp luật dân sự và tố tụng dân sự; có kiến thức hiện đại, chuyên sâu, tư duy pháp lý hệ thống, thuần thục kỹ năng chuyên môn và kỹ năng hỗ trợ để nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý phức tạp phát sinh từ thực tiễn công tác liên quan tới chuyên ngành đào tạo; có năng lực và phẩm chất phù hợp để tham gia hoạt động nghề nghiệp một cách hiệu quả tại nhiều đơn vị sử dụng lao động khác nhau như: Các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương tới địa phương; các cơ quan tư pháp; cơ quan xây dựng pháp luật; các doanh nghiệp; các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ; các đơn vị nghiên cứu, đào tạo về pháp luật dân sự và tố tụng dân sự. Ngoài ra, chương trình còn cung cấp những nền tảng cần thiết về tư duy, kiến thức, kỹ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo hướng đến các mục tiêu cụ thể sau:

- Về kiến thức

+ Trang bị cho người học những kiến thức pháp lý toàn diện, hiện đại và chuyên sâu về pháp luật dân sự và tố tụng dân sự, đặc biệt là những kiến thức thực tiễn nhằm giúp người học có thể áp dụng pháp luật một cách có hiệu quả trong hoạt động chuyên môn.

+ Trang bị cho người học tư duy pháp lý hệ thống để tiếp cận và giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn phức tạp phát sinh trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

+ Giúp người học có khả năng phân tích, tổng hợp, so sánh và đánh giá các kiến thức lý thuyết với thực tiễn, pháp luật Việt Nam với pháp luật nước ngoài nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm cho bản thân, đồng thời, đề xuất những kiến nghị, giải pháp có giá trị nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tiễn.

- Về kỹ năng:

+ Giúp người học ứng dụng một cách có hiệu quả các kiến thức tiếp thu được vào hoạt động nghề nghiệp tại các cơ quan, đơn vị nơi họ công tác và chỉ dẫn các cách thức phát triển kỹ năng hoạt động thực tiễn.

+ Trang bị cho người học những kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng bổ trợ cần thiết cho việc thực hành nghề luật, cung cấp dịch vụ pháp lý, tham gia vào quá trình xây dựng, hoàn thiện, phổ biến và giáo dục pháp luật.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Giúp người học tự định hướng phát triển năng lực cá nhân phù hợp với nhiều vị trí việc làm khác nhau; có năng lực dẫn dắt về mặt chuyên môn và khả năng phát huy trí tuệ tập thể trong đơn vị công tác để xử lý những vấn đề thực tiễn từ đơn giản đến phức tạp một cách hiệu quả; có khả năng tự học tập và nâng cao trình độ hoặc học lên ở các bậc học cao hơn.

+ Chương trình trang bị và định hướng người học đạt tới các chuẩn mực đạo đức về mặt cá nhân, nghề nghiệp và xã hội, đặc biệt là các phẩm chất đạo đức của một luật gia, có trách nhiệm đối với công việc được giao, có ý thức phục vụ cộng đồng và phụng sự tổ quốc.

3. Thông tin tuyển sinh

Thông tin tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Luật được ĐHQGHN phê duyệt.

3.1. Hình thức tuyển sinh: Áp dụng hình thức xét tuyển thẳng và xét tuyển

3.1.1. Xét tuyển thẳng: Thực hiện theo thông báo tuyển sinh hàng năm của Trường và quy định của ĐHQGHN.

3.1.2. Xét tuyển: Được tổ chức kết hợp giữa xét hồ sơ và phỏng vấn đối tượng tuyển sinh.

3.2. Đối tượng tuyển sinh:

3.2.1. Đối với hình thức xét tuyển thẳng

Thí sinh phải đáp ứng các điều kiện cụ thể theo thông báo tuyển sinh của Trường và quy định của ĐHQGHN.

3.2.2. Đối với hình thức xét tuyển

Thí sinh dự tuyển phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Về văn bằng

+ Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) ngành phù hợp với CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự, bao gồm ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức và ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức. Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức, thí sinh phải hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức của chương trình trước khi dự tuyển (Xem danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức của chương trình).

+ Thí sinh có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).

- Về ngoại ngữ

+ Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, được minh chứng bởi các văn bằng, chứng chỉ phù hợp theo quy định của ĐHQGHN.

+ Đối với thí sinh là công dân nước ngoài, phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt;

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định của ĐHQGHN;

- Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường.

Lưu ý: Thí sinh là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài được xét tuyển theo quy định riêng của Trường và của ĐHQGHN.

3. Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức

- **Ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức:** Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế; Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế.

- Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức:

+ Nhóm 1: Một số ngành thuộc nhóm ngành “Quản trị - Quản lý” gồm: Khoa học quản lý; Quản lý công.

+ Nhóm 2: Một số ngành thuộc nhóm ngành “Khoa học chính trị”: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Chính trị học.

+ Nhóm 3: Một số ngành thuộc nhóm ngành “Quản lý tài nguyên và môi trường”: Quản lý tài nguyên môi trường; Quản lý đất đai

+ Nhóm 4: Một số ngành thuộc nhóm ngành “An ninh và trật tự xã hội”: Trinh sát an ninh; Trinh sát cảnh sát; Điều tra hình sự; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; Quản lý trật tự an toàn giao thông; Tình báo an ninh.

- Các học phần bổ sung kiến thức gồm:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	04
2	Luật hiến pháp và luật hành chính	04
3	Luật hình sự và tố tụng hình sự	03
4	Luật dân sự và tố tụng dân sự	04
5	Luật thương mại	03
6	Công pháp quốc tế và tư pháp quốc tế	03
Tổng số		21

- Trường hợp thí sinh có bằng cử nhân các ngành đào tạo được cấp bởi các cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc bằng cử nhân được cấp bởi các cơ sở đào tạo trong nước nhưng là các ngành đào tạo thí điểm hoặc các ngành đào tạo mà tại thời điểm tuyển sinh đã không còn đào tạo hoặc đã thay đổi tên ngành thì tùy vào từng trường hợp, căn cứ vào bảng điểm của thí sinh, Trường sẽ xem xét và quyết định theo quy định hiện hành.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

- PLO1: Vận dụng thành thạo các kiến thức thuộc khối kiến thức chung, đặc biệt là thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức cơ sở và chuyên ngành về pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự;

- PLO2: Vận dụng tổng hợp các kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành đào tạo, kiến thức thực tế thu nhận được từ hoạt động thực tập và tư duy pháp lý hệ thống để nhận biết và giải quyết các vấn đề pháp lý từ đơn giản đến phức tạp phát sinh từ thực tiễn công tác trong lĩnh vực luật dân sự & tổ tụng dân sự;

- PLO3: Đánh giá được ưu, nhược điểm, sự phù hợp, tính hiệu quả của các quy định pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự và các chính sách có liên quan của Đảng, Nhà nước trong quá trình áp dụng pháp luật trên cơ sở việc phân tích, đối chiếu các quy định pháp luật hiện hành với thực tiễn thi hành, bối cảnh và các yếu tố tác động để từ đó kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự ở Việt Nam;

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- PLO4: Nhận diện, phân tích, đánh giá đúng yêu cầu pháp lý trong các tình huống thực tiễn khác nhau để trên cơ sở đó xây dựng và lựa chọn giải pháp pháp lý thích hợp, xây dựng và thực hiện phương án, kế hoạch hành động nhằm giải quyết tốt các vấn đề phát sinh từ thực tiễn công tác;

- PLO5: Áp dụng đúng pháp luật và vận dụng hiệu quả tư duy pháp lý hệ thống, kinh nghiệm thực tế trong quá trình thực hiện các công việc chuyên môn và giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp;

- PLO6: Tổng hợp kiến thức thực tế và rút ra những bài học kinh nghiệm cho bản thân trên cơ sở việc phân tích, đối sánh giữa kiến thức lý thuyết với thực tiễn trong quá trình áp dụng pháp luật;

- PLO7: Phân biện các vấn đề chuyên môn, chính sách, pháp luật của nhà nước và đề xuất giải pháp cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật;

- PLO8: Tư vấn và cung cấp dịch vụ pháp lí cho các tổ chức, cá nhân về lĩnh vực luật dân sự và tố tụng dân sự ;

- PLO9: Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến hiệu quả pháp luật dân sự và tố tụng dân sự cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân;

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

- PLO10: Sử dụng thuần thục các phương pháp giao tiếp khác nhau; viết, thuyết trình hoặc tranh luận một cách hiệu quả trong quá trình thực hành nghề luật;

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PLO11: Độc lập, sáng tạo trong nhận thức và áp dụng pháp luật; có khả năng phát hiện những lỗ hổng pháp lí, những hạn chế, bất cập của pháp luật và đề xuất được những giải pháp có hiệu quả nhằm hoàn thiện pháp luật;

- PLO12: Có năng lực lãnh đạo và khả năng phát huy tốt trí tuệ tập thể trong quản lí và điều hành các hoạt động chuyên môn tại đơn vị công tác;

- PLO13: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ của một chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự; có khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức đã học để đưa ra những kết luận chuyên môn chính xác, có căn cứ nhằm giải quyết tốt những yêu cầu của nhiệm vụ công tác;

- PLO14: Có khả năng tư duy tích cực, tự cân bằng và điều chỉnh áp lực trong cuộc sống để thích nghi với những môi trường làm việc phức tạp và luôn thay đổi; có thể tự định hướng phát triển năng lực cá nhân và cập nhật kiến thức mới cho phù hợp với yêu cầu công việc và cuộc sống;

- PLO15: Có ý thức thượng tôn pháp luật; chuẩn mực trong lời nói và hành động; thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và khách hàng; chủ động, tự tin trong công việc;

- PLO16: Có khả năng cảm nhận sâu sắc về mối quan hệ giữa pháp luật, đạo đức và công lí, luôn nỗ lực hành động để bảo vệ và thúc đẩy công lí, công bằng trong thực tiễn công tác; bản lĩnh, chuyên nghiệp và có trách nhiệm với công việc được giao;

- PLO17: Nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội, với lợi ích quốc gia, dân tộc; nỗ lực hành động nhằm góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; chủ động đấu tranh với những hành vi thiếu đạo đức và vi phạm pháp luật trong môi trường công tác nói riêng và trong cuộc sống nói chung.

4. Vị trí làm việc mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Luật dân sự và tổ tụng dân sự theo định hướng ứng dụng có đủ kiến thức, kĩ năng, năng lực và phẩm chất để thực hiện tốt công việc chuyên môn ở các vị trí/đơn vị công tác khác nhau như:

- Nhóm 1: Làm việc tại các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp từ trung ương xuống địa phương; các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

- Nhóm 2: Làm việc tại các đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lí chuyên nghiệp như văn phòng luật sư, công ty luật...; làm chuyên viên pháp chế, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực trình độ cao về pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự;

- Nhóm 3: Làm việc tại các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế;

- Nhóm 4: Làm công tác nghiên cứu hoặc/và giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo về pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự nói riêng và pháp luật nói chung, như: Các trường đại học; viện nghiên cứu; trung tâm đào tạo...

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Luật dân sự và tổ tụng dân sự theo định hướng ứng dụng, người học có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn hoặc tiếp tục học lên ở những bậc học cao hơn tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	60 tín chỉ
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	09 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	36 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i> :	24 tín chỉ
+ <i>Tự chọn</i> :	12/28 tín chỉ
- Thực tập:	06 tín chỉ
- Học phần tốt nghiệp:	09 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		09				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	45	5	10	
2		Ngoại ngữ B2 (SDH)* <i>Foreign Language B2</i> (Chọn một trong các thứ tiếng sau)	5				
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	50	15	10	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 <i>Russian B2</i>	5	50	15	10	
	CHI5001	Tiếng Trung Quốc B2 <i>Chinese B2</i>	5	50	15	10	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 <i>French B2</i>	5	50	15	10	

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
	WES5001	Tiếng Đức B2 <i>German B2</i>	5	50	15	10	
	OLC5001	Tiếng Nhật Bản B2 <i>Japanese B2</i>	5	50	15	10	
	KOR5001	Tiếng Hàn Quốc B2 <i>Korean B2</i>	5	50	15	10	
	THA5001	Tiếng Thái Lan B2 <i>Thai B2</i>	5	50	15	10	
	ARA5001	Tiếng Ả Rập B2 <i>Arabic B2</i>	5	50	15	10	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		36				
II.1	Các học phần bắt buộc		24				
3	CIL6066	Lý thuyết và kỹ năng áp dụng các loại nguồn của luật dân sự <i>Theory and skills of applying sources of civil law</i>	04	24	24	12	
4	CIL6074	Luật tài sản và luật nghĩa vụ thực hành <i>Property law and obligation law in practice</i>	04	24	24	12	
5	CIL6069	Tư vấn pháp luật về sở hữu trí tuệ <i>Intellectual property law consultancy</i>	04	24	24	12	

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
6	CIL6071	Kĩ năng thu thập và đánh giá chứng cứ trong tố tụng dân sự <i>Skills of collecting and evaluating evidence in civil procedure</i>	04	24	24	12	
7	CIL6073	Tư vấn pháp luật về hôn nhân và gia đình <i>Marriage and family law consultancy</i>	04	24	24	12	
8	CIL6070	Giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ <i>Intellectual property dispute resolution</i>	04	24	24	12	
II.2		Các học phần tự chọn	12/28				
9	CIL6084	Kĩ năng tiếp cận và phân tích các vụ việc dân sự <i>Skills of civil case approach and analysis</i>	02	12	12	6	
10	CIL6090	Giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng và giao dịch bảo đảm <i>Credit contracts and secured transactions dispute resolution</i>	02	12	12	6	
11	CIL6091	Giải quyết tranh chấp về bồi	02	12	12	6	

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		thường thiệt hại ngoài hợp đồng <i>Tort dispute resolution</i>					
12	CIL6076	Giao dịch về bất động sản <i>Real estate transactions</i>	02	12	12	6	
13	CIL6092	Giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình <i>Marriage and family law dispute resolution</i>	02	12	12	6	
14	CIL6067	Kĩ năng đàm phán, soạn thảo và quản trị hợp đồng <i>Skills of negotiating, drafting, and managing contracts</i>	02	12	12	6	
15	CIL6078	Tư vấn pháp luật về thừa kế <i>Inheritance law consultancy</i>	02	12	12	6	
16	CIL6077	Tư vấn pháp luật về quyền nhân thân <i>Personal rights law consultancy</i>	02	12	12	6	
17	CIL6072	Thực hành pháp luật về thi hành án dân sự <i>Civil judgment enforcement law in practice</i>	02	12	12	6	
18	CIL6068	Giải quyết tranh chấp dân sự ngoài tòa án	02	12	12	6	

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Extra-judicial civil dispute resolution</i>					
19	CIL6079	Tư vấn xác lập quyền và khai thác tài sản trí tuệ <i>Consultancy on establishment of intellectual property rights and exploitation of intellectual property assets</i>	02	12	12	6	
20	CIL6081	Thực hành pháp luật về công chứng (<i>Notary law in practice</i>)	02	12	12	6	
21	CIL6093	Giải quyết tranh chấp dân sự trực tuyến <i>Online civil dispute resolution</i>	02	12	12	6	
22	CIL6094	Quyền sở hữu trí tuệ và đổi mới sáng tạo <i>Intellectual property rights and innovation</i>	02	12	12	6	
III	Thực tập		06				
22	CIL6095	Thực tập ^(**) <i>Internship</i>	06				
IV	Học phần tốt nghiệp (Đề án/đồ án)		09				
23	CIL7201	Đề án tốt nghiệp <i>Graduation project</i>	09				
Tổng cộng			60				

Ghi chú:

- (*) Học phần Ngoại ngữ B2 (SDH) có số lượng 5 tín chỉ, được tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT nhưng không tính vào điểm trung bình chung học kì và trung bình chung học tập.

- (**) Học viên thực hiện học phần thực tập theo quy định của Nhà trường.